

Bình Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách
tháng 7+8 và 8 tháng đầu năm 2026 và nguồn thu dịch vụ khác
tháng 7+8 và 8 tháng đầu năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO VIÊN II

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Minh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của xã Bình Minh;

Căn cứ Quyết định số 445/ QĐ -UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của UBND xã Bình Minh về việc Giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học tham gia ăn bán trú tại trường trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026 theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của HĐND Thành phố (đợt 2)

Căn cứ Quyết định số 522/ QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của UBND xã Bình Minh Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 26/03/2026 của UBND xã Bình Minh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của CP đợt 2;

Quyết định số 989 QĐ-UBND ngày 13/04/2026 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 KP thực hiện CCTL theo Nghị định

73/2024/NĐ-CP cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Bình Minh đợt 2;

Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 18/05/2026 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 KP thực hiện CCTL theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Bình Minh đợt 3;

Căn cứ Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 10/07/2026 về việc tiết kiệm thêm trên 5% dự toán chi thường xuyên năm 2026 của các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã; các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập trên địa bàn Xã Bình Minh;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách tháng 7+8 và 8 tháng đầu năm 2026 và nguồn thu dịch vụ khác tháng 7+8 và 8 tháng đầu năm 2026. (Có biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban giám hiệu, bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Viết Thành

Mã chương: 822

Đơn vị: Trường Tiểu học Cao Viên II

Mã ĐVQHNS: 1022578

Mã cấp NS: 4

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGOÀI NGÂN SÁCH 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Số TT	Nội dung	Dư đầu kỳ	Tru trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	Số thu phí, lệ phí (thu học phí)	-	-	-	-
1	Lệ phí				
2	Học phí				
II	Thu khác	-	2.880.416.000	2.880.416.000	-
1	Dịch vụ tiền ăn học inh		494.170.000	494.170.000	-
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú		654.925.000	654.925.000	-
3	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú		2.793.000	2.793.000	-
4	Dịch vụ nước uống		66.768.000	66.768.000	-
5	Hoạt động Kỹ năng sống		316.260.000	316.260.000	-
6	Tiếng Anh tự chọn		634.200.000	634.200.000	-
7	Dịch vụ trông giữ ngoài giờ chính khóa		711.300.000	711.300.000	-
					-
					-
					-
					-

Bình Minh, ngày 6 tháng 8 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị

Ngô Viết Thành

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
THÁNG 7+8 NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Tiểu học Cao Viên II công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 8 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.026,36	1.526,78	20,22	541,36
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.026,36	1.526,78	20,22	541,36
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	10.026,36	1.526,78	20,22	541,36
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.251,00	1.488,07	18,04	220,19
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.775,36	38,71	2,18	321,17
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				

6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 06 tháng 8 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Ngô Viết Thành

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
08 THÁNG ĐẦU NĂM
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Tiểu học Cao Viên II công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 8 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.026,36	7.785,45	164,31	545,33
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.026,36	7.785,45	164,31	545,33
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	10.026,36	7.785,45	164,31	545,33
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.251,00	6.203,17	75,18	95,08
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.775,36	1.582,28	89,12	450,26
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				

6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 1 tháng 8 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị
 (Chữ ký, dấu)

Ngô Viết Thành

Handwritten signature and date: 2001. 10. 10.